

Số: 46 /TB-ĐGTS

Bình Phước, ngày 15 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu giá năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá số 02/HĐ-DVĐGTS ngày 15/04/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Hớn Quản.

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Số 238, Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Hớn Quản.

Địa chỉ: TT Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Tên tài sản và nơi có tài sản:

a. Tên tài sản: 36 lô đất ở tại các khu L, M, N, O, P, Q, E1, C4, V, R thuộc TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản;

b. vị trí: Khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; tiếp giáp các đường Đông Tây 2, Đông Tây 3, Đông Tây 4c, Đông Tây 5, Đông Tây 7, Bắc Nam 4, Bắc Nam 4a, Bắc Nam 5, Bắc Nam 7.

c. Diện tích và số lô (thửa):

- Số lô (thửa): 36.

- Diện tích đất phân lô dân cư: từ 186,60 m²/lô đến 260,90 m²/lô

- Tổng diện tích 36 lô: 8.174,40 m².

d. Loại đất: đất ở đô thị

e. Hạ tầng kỹ thuật: Trong khu vực hạ tầng giao thông đã được kết nối theo quy định về điều kiện để tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm a khoản 2 Điều 125 Luật đất đai năm 2024, cụ thể: Các thửa đất đưa ra đấu giá tiếp giáp mặt tiền các đường giao thông nhựa: Đông Tây 2, Đông Tây 3, Đông Tây 4c, Đông Tây 5, Đông Tây 7, Bắc Nam 4, Bắc Nam 4a, Bắc Nam 5, Bắc Nam 7.

f. Tài sản gắn liền với đất: không có.

Các lô đất thực hiện đấu giá lẻ theo từng lô. (Có Danh sách chi tiết lô kèm theo).

g. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND huyện Hớn Quản về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 38 lô đất ở tại các khu I, L, M, N, O, P, Q, E1, C3, C4, V, R thuộc TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND huyện Hớn Quản về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 36 lô đất ở tại các khu L, M, N, O, P, Q, E1, C4, V, R thuộc TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Hớn Quản về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất 36 lô đất ở tại các khu L, M, N, O, P, Q, E1, C4, V, R thuộc TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 06/QĐ-TTPTQĐ ngày 11/4/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hớn Quản về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 36 lô đất ở tại các khu L, M, N, O, P, Q, E1, C4, V, R thuộc TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

Nơi có tài sản: Khu TTHC huyện Hớn Quản, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

4. Tổng giá khởi điểm: 44.385.580.000 đ (Bốn mươi bốn tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

a. Thời gian xem tài sản: Từ ngày **16/04/2025** đến ngày **06/5/2025** (Trong giờ hành chính)

b. Địa điểm xem tài sản: Khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

6. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

1. Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **16/04/2025**

2. Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: 17 giờ 00 phút ngày **06/5/2025**

3. Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước – địa chỉ: TTHC huyện – TT Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

7. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

1. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:
+ 200.000 đồng/hồ sơ đối với lô đất có giá khởi điểm từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng.

2. Tiền đặt trước: 20% giá khởi điểm của lô đất.

3. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 07 giờ 30 phút ngày 16/04/2025

b) Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày 06/05/2025

- Thông tin tài khoản nộp tiền đặt trước:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

+ Số tài khoản: 110002909763

+ Tại Ngân hàng: VietinBank Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch huyện Hớn Quản

8. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

1. Thời gian đăng ký: Từ 07 giờ 30 phút ngày 16/04/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 06/5/2025

2. Địa điểm đăng ký: tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hớn Quản .

3. Điều kiện đăng ký: Mọi cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật Đấu giá tài sản hiện hành đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Một người không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản; Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

4. Cách thức đăng ký:

Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước hoặc Thông báo mã số định danh cá nhân.

Văn bản cam kết xem tài sản.

- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định.

9. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá,

1. Thời gian tổ chức phiên đấu giá: bắt đầu lúc 8 giờ 30 phút ngày **09/05/2025**

2. Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Hớn Quản.

10. Hình thức đấu giá, Phương thức đấu giá

10.1. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

10.2. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ trực tiếp tại phiên đấu giá.

- Bước giá: 01% (Một phần trăm) của giá khởi điểm của vòng đấu đó

Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Số 238 Đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. ĐT liên hệ: 0271.3860216.

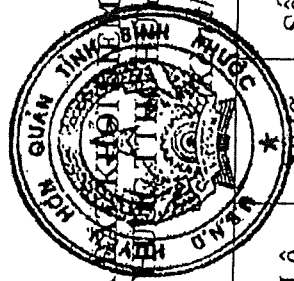
Nơi nhận:

- Đăng website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



GIÁM ĐỐC

Ngô Diên Long



PHỤ LỤC GIÁ ĐÁNH GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT 36 LÔ ĐẤT Ở TẠI CÁC KHU L, M, N, O, P, Q, E1, C4,
V, R TỈNH HÀ NỘI, HUYỆN HÓN QUẢN, THỊ TRẤN TÂN KHAI, HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC
theo Quyết định số 548 / QĐ-UBND ngày 08 /4/2025 của UBND huyện)

STT	Khu đất	Lô	Số thửa	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Lô góc	ghi chú
1	L	L14	32	250,50	5.200.000	1.563.120.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
2	M	M1	119	232,60	5.200.000	1.451.424.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
3	M	M4	134	229,10	5.200.000	1.429.584.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa và đường Bắc Nam 7. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
4	N	N17	213	203,20	5.200.000	1.267.968.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)

5	N	N29	16	235	222,60	5.200.000	1.389.024.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa và đường Bắc Nam 4. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
6	O	O2	16	34	220,70	5.200.000	1.377.168.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
7	O	O13	16	45	215,00	5.200.000	1.118.000.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
8	O	O19	16	52	215,00	5.200.000	1.118.000.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
9	P	P1	16	105	186,60	5.200.000	1.164.384.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
10	P	P33	16	73	218,00	5.200.000	1.133.600.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)

11	P	P52	16	103	218,00	5.200.000	1.133.600.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
12	Q	Q26	16	173	260,90	5.200.000	1.628.016.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 3. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
13	Q	Q35	16	164	204,00	5.200.000	1.060.800.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa (đoạn từ ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
14	E1	E1-5	17	227	224,80	5.700.000	1.281.360.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa (đoạn từ ngã 3 tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến ngã 4 giao đường Bắc Nam)
15	E1	E1-8	17	230	224,80	5.700.000	1.281.360.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 2. nhựa (đoạn từ ngã 3 tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến ngã 4 giao đường Bắc Nam)
16	C4	C4-1	13	122	246,50	5.000.000	1.232.500.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 7. nhựa (đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam)

17	C4	C4-2	13	124	246,50	5.000.000	1.232.500.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 7. nhựa (đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam)
18	C4	C4-4	13	127	246,50	5.000.000	1.232.500.000		Tiếp giáp đường Đông Tây 7. nhựa (đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam)
19	V	V1	12	344	205,30	5.200.000	1.281.072.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 5. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa (đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến ngã 3 giao đường Bắc Nam 7)
20	V	V2	12	353	210,00	5.000.000	1.050.000.000		Tiếp giáp đường Bắc Nam 5. nhựa
21	V	V3	12	354	209,90	5.000.000	1.049.500.000		Tiếp giáp đường Bắc Nam 5. nhựa
22	V	V4	12	355	205,40	5.000.000	1.232.400.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 4C. nhựa và đường Bắc Nam 5. nhựa
23	R	R20	12	349	230,00	5.200.000	1.435.200.000	X	Tiếp giáp đường Đông Tây 5. nhựa và đường Bắc Nam 4A. nhựa
24	R	R21	12	350	234,50	5.000.000	1.172.500.000		Tiếp giáp đường Bắc Nam 4A. nhựa
25	R	R22	12	294	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
26	R	R23	12	293	234,50	5.000.000	1.172.500.000		

27	R	R24	12	292	234,50	5.000.000	1.172.500.000		Tiếp giám đường Bắc Nam 4A. nhựa
28	R	R25	12	283	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
29	R	R26	12	284	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
30	R	R27	12	285	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
31	R	R28	12	235	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
32	R	R29	12	234	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
33	R	R30	12	233	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
34	R	R31	12	223	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
35	R	R32	12	225	234,50	5.000.000	1.172.500.000		
36	R	R33	12	175	234,50	5.000.000	1.172.500.000		



